

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐINH THỊ HẢI ĐƯỜNG

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC
NGUỒN LỢI BIỂN ĐẢO CỦA TRIỀU NGUYỄN
GIAI ĐOẠN 1802-1884

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Mã số: 62 22 03 13

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Đại học Quốc gia Hà Nội
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Vũ Văn Quân**

Giới thiệu 1:

Giới thiệu 2:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Cơ sở họp
tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia
Hà Nội vào hồi giờ..... ngày tháng năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin Thư viện - Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xu thế hội nhập toàn cầu ngày càng mạnh mẽ cùng sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật và sự vơi cạn của nguồn tài nguyên đất liền hiện nay thì không chỉ vấn đề an ninh - quốc phòng biển, đảo được chú ý mà kinh tế biển, hải đảo cũng đang và sẽ là một trọng điểm được quan tâm. Để tìm lời giải cho vấn đề này của hiện tại, một căn cứ quan trọng là nhìn lại lịch sử quản lý khai thác nguồn lực kinh tế này của các nhà nước cầm quyền trong lịch sử Việt Nam.

Triều Nguyễn là một thời kỳ đầy biến động trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ một vương triều tân lập đầu thế kỷ XIX, điều hành đất nước một cách độc lập, tự chủ trên một lãnh thổ, lãnh hải thống nhất và rộng lớn, nhà Nguyễn đã từng bước mất dần quyền tự chủ của mình và cuối cùng là sự thất bại hoàn toàn vào năm 1884 để rồi Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Việc tìm hiểu hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển đảo của triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884, như vậy, không chỉ có khả năng đem lại cái nhìn hệ thống và tương đối toàn diện về vấn đề quản lý nhà nước đối với biển đảo của triều Nguyễn, góp phần vào chủ đề nghiên cứu quản lý nhà nước về biển đảo trong lịch sử, mà còn hứa hẹn tham góp vào một số vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến triều Nguyễn và lịch sử Việt Nam giai đoạn này, cũng như có khả năng tham góp vào cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc giải quyết vấn đề xung đột ở biển Đông, hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước ở Việt Nam hiện nay.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển đảo của triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1884, giới hạn trong hai nội dung là quản lý không gian đường biển (giao thông vận tải) và quản lý nguồn lợi sinh vật biển, đảo. Hoạt động quản lý nhà nước Nguyễn đối với vấn đề khai hoang vùng duyên hải và hải đảo với tư cách nguồn lợi biển, đảo không nằm trong phạm vi nghiên cứu do là một vấn đề rất rộng. Hoạt động khai thác nguồn lợi biển của cư dân Đại Nam cũng không được đề cập cụ thể bởi sự hạn chế về tư liệu.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Luận án tìm hiểu hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của triều Nguyễn ở vùng duyên hải, vùng biển và hải đảo (các đảo và quần đảo ven bờ, ngoài khơi) trên phạm vi cả nước, từ Quảng Yên (Quảng Ninh ngày nay) đến Hà Tiên (Kiên Giang ngày nay). Tuy nhiên, phạm vi những vùng lãnh thổ, lãnh hải đã nằm trong sự kiểm soát chiếm đóng của thực dân Pháp (giới hạn của những phạm vi này ngày càng được mở rộng hơn theo các nội dung ký kết giữa thực dân Pháp và triều đình Huế trong các bản hòa ước) không thuộc phạm vi tập trung nghiên cứu của đề tài.

- *Về thời gian nghiên cứu*: Từ năm 1802 đến năm 1884

3. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

- *Mục tiêu nghiên cứu*: 1. Nhận thức hệ thống và toàn diện về hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1884; 2. Rút ra những bài học kinh nghiệm cho hoạt động khai thác biển, đảo ở Việt Nam hiện nay.

- *Câu hỏi nghiên cứu*: 1. Hoạt động xây dựng bộ máy tổ chức nhà nước (ở trung ương và địa phương) trong quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của triều Nguyễn ở thế kỷ XIX (1802-1884)?; 2.

Hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi giao thương biển của triều Nguyễn ở thế kỷ XIX (1802-1884)? 3. Hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi tài nguyên và sinh vật biển, đảo của triều Nguyễn ở thế kỷ XIX (1802-1884)? 4. Đánh giá về các hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của triều Nguyễn ở thế kỷ XIX (1802-1884)? Bài học kinh nghiệm cho hoạt động khai thác biển, đảo của nhà nước Việt Nam đương đại?.

4. Phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận

4.1. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án bao gồm *phương pháp lịch sử, phương pháp lôgích, phương pháp mô tả, phương pháp so sánh*, phương pháp chuyên gia, phương pháp hệ thống, cấu trúc, tổng hợp, thống kê..

- Ngoài ra, luận án còn sử dụng một số phương pháp hỗ trợ như phương pháp của ngành khoa học quản lý và ngành kinh tế học.

4.2. Cách tiếp cận

- Cách tiếp cận liên ngành/đa ngành mà trọng tâm là cách tiếp cận sử học kết hợp với các chuyên ngành khoa học khác như khoa học quản lý, kinh tế học...

- Lý thuyết “*Cách tiếp cận từ biển*” (*A view from the Sea*) và “*Góc nhìn từ núi*”

5. Nguồn tài liệu

- Thư tịch cổ biên soạn dưới triều Nguyễn là nguồn sử liệu quan trọng nhất.

- Các công trình nghiên cứu liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

6. Đóng góp của luận án

- Đưa ra một cái nhìn toàn diện và hệ thống về hoạt động quản lý, khai thác biển, đảo của triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884.

- Góp phần nhận thức sâu sắc và đầy đủ hơn về vương triều Nguyễn.

- Góp phần vào một hiểu biết thấu đáo và đầy đủ hơn về lịch sử chủ quyền và thực thi chủ quyền đối với vùng biển, đảo trong lịch sử Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu về lịch sử Việt Nam nói chung, cũng như lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX, lịch sử chủ quyền của Việt Nam,... hay về vương triều Nguyễn, về vấn đề quản lý và khai thác biển của triều Nguyễn nói riêng.

7. BỐ CỤC LUẬN ÁN

Ngoài phần Mở đầu; Kết luận; Danh mục các công trình nghiên cứu khoa học của tác giả; Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được cấu trúc thành 5 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Những yếu tố tác động đến quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của triều Nguyễn

Chương 3. Tổ chức bộ máy và lực lượng quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo

Chương 4. Quản lý, khai thác giao thương biển

Chương 5: Quản lý, khai thác tài nguyên, sinh vật biển, đảo

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những nghiên cứu gián tiếp liên quan đến vấn đề quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo

1.1.1. Nghiên cứu về xác lập chủ quyền biển, đảo

1.1.2. Nghiên cứu về an ninh – phòng thủ biển, đảo

1.2. Những nghiên cứu trực tiếp liên quan đến vấn đề quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo

1.2.1. Nghiên cứu liên quan đến giao thương biển

1.2.1.1. Thời kỳ trước triều Nguyễn

1.2.1.2. Thời kỳ dưới triều Nguyễn

1.2.2. Nghiên cứu liên quan đến khai thác tài nguyên biển, đảo

1.2.2.1. Thời kỳ trước triều Nguyễn

1.2.2.2. Thời kỳ dưới triều Nguyễn

1.3. Một số nhận xét rút ra từ các công trình nghiên cứu đi trước và hướng nghiên cứu của luận á

1.3.1. Một số nhận xét rút ra từ các công trình nghiên cứu đi trước

Vấn đề khai thác nguồn lợi biển, đảo thời kỳ này cũng đã được đề cập, khảo cứu ở những mức độ nhất định với sự đa dạng về khía cạnh và lượng thông tin..., và đó là những kết quả nghiên cứu rất quan trọng mà người viết được kế thừa trong khi triển khai đề tài nghiên cứu này.

Tuy nhiên, chưa có một công trình khảo cứu toàn diện về vấn đề khai thác nguồn lợi biển đảo dưới triều Nguyễn, đặc biệt là hoạt động quản lý nhà nước trong khai thác biển đảo.

1.3.2. Hướng nghiên cứu của luận án

- Khảo cứu và phác dựng một cách hệ thống và toàn diện bức tranh quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của triều Nguyễn từ năm

1802 đến năm 1884 trên các khía cạnh: khai thác nguồn tài nguyên không gian đường biển (giao thương đường biển); khai thác tài nguyên và sinh vật biển, đảo.

- Đánh giá hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển của triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1884.

- Tìm hiểu, phân tích, đánh giá giao thương đường biển dưới góc độ khai thác nguồn lợi biển.

- Nghiên cứu một cách tổng hợp và toàn diện về hoạt động quản lý, khai thác tài nguyên và sinh vật biển, đảo của triều Nguyễn.

Chương 2

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUẢN LÝ, KHAI THÁC NGUỒN LỢI BIỂN, ĐẢO CỦA TRIỀU NGUYỄN

2.1. Quan điểm của các nhà nước quân chủ trước Nguyễn về vấn đề quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo

2.1.1. Vài nét khái quát về biển, đảo Việt Nam

Nguồn tài nguyên sinh vật, tài nguyên phi sinh vật phong phú, đa dạng cùng tài nguyên vị thế của biển Việt Nam rất thuận lợi cho sự phát triển kinh tế-xã hội song lại cũng tiềm ẩn những nguy cơ đối với nền an ninh - quốc phòng không chỉ trong vấn đề chủ quyền lãnh hải, chủ quyền biển đảo mà cả trong hoạt động khai thác các nguồn tài nguyên này bởi những mâu thuẫn, xung đột, tranh giành về lợi ích có thể xảy ra giữa các lực lượng khai thác.

2.1.2. Khái quát quan điểm của các Nhà nước quân chủ trước Nguyễn về biển, đảo

Các nhà nước quân chủ ở Việt Nam trước Nguyễn, đều có nhận thức về biển đảo, chủ quyền quốc gia đối với biển, đảo, mặc dù ở những mức độ khác nhau.

2.2. Những thuận lợi và thách thức đặt ra trong quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo dưới triều Nguyễn

2.2.1. Những thuận lợi

Bao gồm: Cơ hội cho các quốc gia phương Đông nhảy bén biết học tập, cải tiến kỹ thuật trong hoạt động hàng hải nhờ cuộc tiếp xúc Đông - Tây từ sau phát kiến địa lý; Kinh nghiệm quản lý, khai thác biển, đảo được kế thừa từ các triều đại trước (đặc biệt từ chính quyền chúa Nguyễn, triều Lê Trung hưng, vương triều Tây Sơn); Nguồn tài nguyên biển, đảo phong phú, đa dạng.

2.2.2. Những thách thức

Bao gồm các yếu tố: Sự rộng lớn của lãnh hải Đại Nam; Đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Đại Nam nhiều gió bão, sóng ngầm, đá ngầm, cát ngầm và triều cường; Vấn nạn do hoạt động trên biển của con người tạo nên, nhất là vấn nạn cướp biển; Tham vọng xâm chiếm nguồn lợi biển, đảo, xâm chiếm lãnh thổ Đại Nam từ phía biển của các thế lực bên ngoài.

2.3. Nhận thức của triều Nguyễn về biển, đảo và nguồn lợi biển, đảo

2.3.1. Nhận thức của triều Nguyễn về hải phận quốc gia

2.3.1.1. Nhận thức về hải phận nói chung

Triều Nguyễn nhận thức Đại Nam có cả một vùng biển rộng lớn trong phạm vi Biển Đông với Vịnh Bắc Bộ, Vịnh Thái Lan cũng như hàng ngàn đảo, quần đảo thuộc vùng biển này.

2.3.1.2. Nhận thức về chủ quyền biển đảo

Các vị vua đầu triều Nguyễn đã ý thức mạnh mẽ, sâu sắc về chủ quyền biển đảo và hiện thực hóa bằng những hoạt động thực thi quyền và trách nhiệm làm chủ của vương triều trên vùng biển đảo rộng lớn này.

2.3.2. Nhận thức của triều Nguyễn về tài nguyên biển đảo

Nhà Nguyễn ý thức được ý nghĩa, đóng góp của biển, đảo trong hoạt động kinh tế - xã hội; trong an ninh - phòng thủ biển đảo.

2.3.3. Nhận thức của triều Nguyễn về an ninh - phòng thủ biển

Nhà Nguyễn nhận thức được những thách thức do tự nhiên gây ra trên biển; nguy cơ độc lập, chủ quyền từ phía biển qua âm mưu xâm lược của phương Tây, cũng như vai trò của khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại phương Tây trong quản lý, khai thác, bảo vệ an ninh - quốc phòng và chinh phục biển, đảo.

Tiểu kết chương 2

Với những thách thức từ đặc điểm tự nhiên vùng biển Việt Nam cùng vai trò quan trọng và sự giàu có của nguồn tài nguyên biển, bên cạnh chính sách khai thác nguồn lợi biển, an ninh - quốc phòng biển luôn là một nội dung quan trọng xuyên suốt chính sách an ninh - phòng, với thay đổi nhất định theo hướng ngày càng sâu sắc và có hệ thống. Nhìn chung, hiệu quả khai thác cũng ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, từ nhận thức đến chính sách, rồi đến thực tiễn thực hiện vẫn còn những hạn chế.

Những tiến bộ cũng như những hạn chế trong nhận thức và trong chính sách, biện pháp, thực tiễn hoạt động quản lý, khai thác của các Nhà nước quân chủ Việt Nam trước Nguyễn đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho vương triều Nguyễn trong việc định hình và hoàn thiện hoạt động quản lý, khai thác biển đảo của vương triều ở thế kỷ XIX.

Chương 3

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC NGUỒN LỢI BIỂN, ĐẢO

3.1. Cấp trung ương

3.1.1. Lục bộ

Bộ Công, Bộ Binh, Bộ Hình, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Lại là những cơ quan ở cấp trung ương, trực tiếp thực thi chiếu lệnh của nhà vua trong việc chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo. Trong số sáu *Bộ* thì *Bộ Công, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Hình* mang những trọng trách và chức năng quản lý liên quan trực tiếp nhiều hơn đến các hoạt động khai thác nguồn lợi biển, đảo.

3.1.2. Các cơ quan trực tiếp quản lý

Bao gồm cơ quan chuyên trách ngoại giao và quản lý ngoại thương của Nhà nước và cơ quan chuyên trách giao thông vận tải đường biển của Nhà nước.

3.2. Cấp địa phương

3.2.1. Tấn thủ

Nhà nước cũng đặt các *Tấn* tại các cửa biển và hải đảo nơi kinh đô và các tỉnh với chức quan *Tấn thủ* đảm trách công việc.

3.2.2. Quan địa phương

Quan địa phương là lực lượng trực tiếp quản lý và tổ chức triển khai ở địa phương mình các hoạt động khai thác nguồn lợi biển, đảo theo chức phận và nhiệm vụ được giao.

3.3. Đảm bảo an toàn hoạt động khai thác nguồn lợi biển, đảo

3.3.1. Xây dựng lực lượng

Lực lượng trực tiếp tham gia đảm bảo an toàn cho các hoạt động khai thác nguồn lợi biển, đảo bao gồm thủy quân, lực lượng quan chế canh phòng cửa biển, hải đảo tại các *Tấn, Bảo, Sở, Pháo đài (Thành)* như *Tấn thủ, Thủ ngữ, Thủ úy, Thành thủ úy*, dân binh và nhân dân ven biển, hải đảo.

3.3.2. Khai thông cửa biển, đo đạc, vẽ bản đồ và ghi chép hướng dẫn

Nhà Nguyễn quan tâm đến việc khai thông cửa biển, đo đạc, vẽ bản đồ và ghi chép hướng dẫn giao thông đường biển.

3.3.3. Tế lễ và cứu trợ đường biển

Tế lễ ở các cửa biển là biện pháp an ninh đường biển về mặt tâm linh. Đồng thời, nhà nước còn có một số hoạt động nhằm cứu trợ thuyền biển gặp nạn.

3.3.4. Bố phòng và tuần phòng biển đảo

Bao gồm các nội dung Xây dựng cơ sở bố phòng, Tuần phòng biển, đảo; và Phòng chống cướp biển.

Tiểu kết chương 3

Tổ chức bộ máy và lực lượng quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của triều Nguyễn bao gồm các cơ quan, chức quan chuyên trách từ cấp trung ương đến cấp địa phương trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia quản lý, khai thác biển, đảo. Cùng với đó, các hoạt động khai thác còn có sự hỗ trợ, đóng góp một cách gián tiếp nhưng không kém phần quan trọng của các cơ quan, lực lượng giám sát, bảo đảm an ninh – quốc phòng biển, đảm bảo môi trường an toàn, yên ổn cho hoạt động khai thác, như quân thủy trong quân ngạch của Bộ Binh, các viên quan coi đồn cửa biển tại các pháo đài, tấn, sở, bảo nơi cửa biển,... Trong chừng mực nhất định, những sự phối hợp, những mối liên kết đó đã tạo nên một bộ máy tổ chức quản lý nhà nước Nguyễn mang tính hệ thống nhất định trong vấn đề quản lý, khai thác, bảo vệ biển, đảo của vương triều.

Chương 4

QUẢN LÝ, KHAI THÁC GIAO THƯƠNG BIỂN

4.1. Quản lý, khai thác giao thông vận tải đường biển

4.1.1. Cấp “bài thuyền” và “giấy thông hành”

4.1.1.1. *Quy định về cấp “bài thuyền” và kiểm xét “bài thuyền”*

Nhà nước có quy định rõ ràng về việc cấp và kiểm soát bài thuyền.

4.1.1.2. *Quy định về cấp “giấy thông hành” và kiểm xét “giấy thông hành”.*

Triều Nguyễn có sự phân biệt trong quy định giấy thông hành cho nhiều đối tượng khác nhau. Việc xét hỏi “giấy thông hành” ở những cửa biển có thể dẫn đến Kinh thành được tiến hành chặt chẽ, nghiêm ngặt hơn ở những cửa biển các tỉnh hạt khác trong nước.

4.1.1.3. Chuẩn bị các chuyến hải trình của Nhà nước

Nhà nước đào tạo, huấn luyện bộ phận chính quy, đồng thời sử dụng những người hoạt động đường thủy giàu kinh nghiệm trong dân gian vào các chuyến thủy trình và làm hoa tiêu trong những trường hợp nhất định.

4.1.2. Tổ chức hoạt động vận tải đường biển của Nhà nước

4.1.2.1. Vai trò của công tác hải vận

Công tác hải vận có vai trò đặc biệt quan trọng đối với quốc gia.

4.1.2.2. Chuẩn bị tàu thuyền vận tải

Nhà Nguyễn huy động tàu thuyền tham gia vận tải; tu sửa và đóng mới tàu thuyền vận tải; đồng thời thuê tàu thuyền nước ngoài vận tải.

4.1.2.3. Trả công vận tải (cước giá vận tải)

Giá cước vận tải cũng được quy định rõ ràng.

4.1.2.4. Thuế miễn vận tải

Nhà Nguyễn quy định cụ thể đối với thuyền Tào, thuyền đại dịch, miễn dịch; thuyền ván đi buôn, thuyền nan đi buôn, thuyền đánh cá.

4.1.2.5. Chuẩn bị thời gian vận tải

Bao gồm các nội dung Quy định về kỳ hạn vận tải; đơn đốc vận tải.

4.1.2.6. Quy định về lực lượng vận tải

Bao gồm quan quân quản tải; Lái thuyền, chân sào, biên binh. Nhà nước có quy định lệ thưởng phạt vận tải rõ ràng.

4.1.2.7. Lệ định trình báo vận tải

Bao gồm các quy định trình báo về tàu thuyền và hành trình vận tải.

4.1.3. Tổ chức hoạt động công cán nước ngoài bằng đường biển

4.1.3.1. Phái sứ đoàn vượt biển đến các nước

Nhà Nguyễn nhiều lần phái các sứ đoàn đến một số nước trong khu vực và phương Tây với những mục đích khác nhau.

4.1.3.2. Vận chuyển hành khách và hàng hóa của quan lại và nhân dân

Nhà nước đã tận dụng hoạt động giao thông đường biển của những chuyến công cán để tạo thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hoạt động đó chưa phát triển thành một dịch vụ chuyên chở có tổ chức mà chỉ là sự tận dụng, kết hợp để vận chuyển hành khách, hàng hóa nhằm tạo thêm nguồn thu.

4.2. Quản lý thương nghiệp đường biển

4.2.1. Đối với hoạt động ngoại thương của Nhà nước

Hoạt động thương nghiệp đường biển của triều Nguyễn chủ yếu là các hoạt động ngoại thương, trao đổi, buôn bán với các nước

dưới nhiều hình thức như thông thương kết hợp trong các hoạt động công cán (ngoại giao, đi sứ, thăm dò tin tức,...), tổ chức các chuyến thuyền trực tiếp đến các nước thông thương, đặt hàng thuyền buôn các nước đến Đại Nam buôn bán.

4.2.2. Đối với hoạt động thương nghiệp của thương nhân trong nước

Nhà Nguyễn tiến hành kiểm soát chặt chẽ, ngăn cấm hoạt động thương nghiệp đường biển của cư dân Đại Nam, nhất là hoạt động ngoại thương với luật cấm cư dân ra biển buôn bán và lệ định giới hạn kích thước thuyền buôn của cư dân.

4.2.3. Đối với hoạt động thương nghiệp của thương nhân nước ngoài

Đối với thuyền buôn nước ngoài, theo quy định của Nhà nước, tàu thuyền đến Đại Nam buôn bán phải nộp nhiều khoản thuế và lễ. Ngoài nhiệm vụ thu thuế, các *Tấn thủ* còn chiếu theo luật pháp, kiểm soát chặt thuyền buôn ngoại quốc qua thủ tục xuất, nhập cảng và giám sát việc thực hiện lệ cấm của thuyền buôn để phòng ngừa mối tệ và tránh thất thoát nguồn thu.

Tiểu kết chương 4

Nhà nước đã ban hành một hệ thống chính sách, biện pháp khá toàn diện và quy củ, nhằm quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn, thuận lợi cho tàu thuyền tham gia các hoạt động giao thông, vận tải vật hạng công đường biển của Nhà nước. Đây là hoạt động quy củ, hiệu quả nhất trong quản lý, khai thác biển, đảo của triều Nguyễn

Chương 5

QUẢN LÝ, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN, SINH VẬT BIỂN, ĐẢO

5.1. Đối với hoạt động khai thác của Nhà nước

5.1.1. Quản lý khai thác muối, tổ yến và ngọc trai

5.1.1.1. Quản lý khai thác muối

Thể hiện qua các khía cạnh: Thu thuế; Cấm buôn bán muối trái phép; Sản xuất muối; Xuất khẩu muối; Cấp phát muối.

5.1.1.2. Quản lý khai thác tổ yến và ngọc trai

Nhà nước độc quyền khai thác, sử dụng nguồn lợi tổ yến với một số hình thức khai thác; Nghiêm cấm các hoạt động khai thác, sử dụng, mua bán trái phép.

Việc thu nhật ngọc trai cũng được Nhà nước tiến hành nhưng lại là chính sách thụ động đối phó với lái buôn người nước Thanh.

5.1.2. Quản lý, khai thác ở các vùng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Hoạt động khai thác, thu lượm nguồn lợi trên các vùng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa dường như không trở thành mục đích chính. Sự quan tâm của Nhà nước đối với các vùng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thời kỳ này chủ yếu là quản lý, thực thi, bảo vệ chủ quyền với các hoạt động đo đạc hải trình, vẽ bản đồ.

5.2. Đối với hoạt động khai thác của nhân dân

5.2.1. Giai đoạn 1802-1858

5.2.1.1. Thu thuế

Bao gồm thu thuế đánh bắt hải sản và thu mua hải sản

5.2.1.2. Giới hạn kích thước thuyền

Để tránh những mối tệ do ngư dân gây ra, một biện pháp được các triều vua Nguyễn đưa ra là giới hạn chặt chẽ kích thước thuyền đánh cá của cư dân.

5.2.2. Giai đoạn 1858-1884

5.2.2.1. Thu thuế đánh bắt hải sản

Thuyền nhỏ làm nghề câu, nghề đánh cá ra biển đánh bắt hải sản phải nộp thuế theo ngạch định.

5.2.2.2. Thu thuế đằm

Đối với những đằm ở địa phận sông biển, nhà Nguyễn cũng thu thuế theo ngạch định. Tuy nhiên, việc thu thuế dường như không mang lại nhiều kết quả, nhà Nguyễn đã nhiều lần phải cho miễn, bỏ ngạch thuế đằm vì không có người lĩnh trung.

5.2.2.3. Huy động vào việc công của Nhà nước

Cư dân được huy động vào việc tìm bắt các vật phẩm tế lễ, tham gia vào công tác vận tải vật hạng công của Nhà nước hay đánh bắt cướp biển.

5.2.2.4. Hỗ trợ trong sinh kế

Đối với những hộ dân đánh cá nghèo ven biển, Nhà nước đã cho tạm cấp trước tiền vốn cho ngư dân mua chài lưới kiếm kế sinh nhai.

Tiểu kết chương 5

Trong quản lý, khai thác tài nguyên, sinh vật biển, đảo, chính sách của triều Nguyễn có sự phân biệt giữa hoạt động khai thác của Nhà nước với hoạt động khai thác của nhân dân. Đối với hoạt động của Nhà nước, chính sách khai thác tập trung chủ yếu vào các nguồn lợi quý hiếm, độc quyền khai thác nguồn lợi đó trong khi hoạt động đầu tư chưa đúng mức. Nhiều hoạt động khai thác không mấy hiệu quả, thậm chí có chính sách chỉ là biện pháp tình thế, khai thác bị động, đối phó.

Đối với hoạt động khai thác của nhân dân, chính sách của triều Nguyễn có phần khắt khe, do đó làm giảm khả năng và nhu cầu khai thác.

KẾT LUẬN

1. Vương triều Nguyễn đã có nhiều chính sách, biện pháp và hoạt động thực tiễn nhằm quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo. Đó là xây dựng, tổ chức bộ máy và lực lượng quản lý, khai thác và bảo vệ hoạt động khai thác; quản lý, khai thác giao thương biển; quản lý, khai thác tài nguyên, sinh vật biển, đảo.

Nhà nước đã xây dựng, tổ chức bộ máy, lực lượng từ cấp trung ương đến cấp địa phương, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia quản lý, khai thác, cũng như thực hiện các biện pháp bảo vệ hoạt động khai thác. Những vị vua đứng đầu triều đình Huế là những người ban hành các chính sách quản lý đất nước, trong đó có quản lý, khai thác, bảo vệ và thực thi chủ quyền biển, đảo. Bộ máy triều đình (*Lục Bộ*) mang những trọng trách và chức năng quản lý ở cấp trung ương. Các cơ quan chuyên trách ở cấp trung ương cũng được Nhà nước cho thiết lập, trực tiếp quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo, mà chủ yếu và tập trung nhất là vào khai thác nguồn lợi giao thông vận tải, thương nghiệp biển. Các lực lượng quản lý, khai thác ở cấp địa phương (Tân thủ, quan lại địa phương,...) chủ yếu tham gia một cách gián tiếp vào quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo, như trực tiếp thực hiện các hoạt động thu thuế nơi cửa biển, tham gia đảm bảo an toàn cho các hoạt động khai thác.

Mặc dù còn những hạn chế (như tổ chức bộ máy tập trung chủ yếu vào hoạt động quản lý, khai thác giao thương biển, trong khi khai thác tài nguyên biển còn nhiều hạn chế; bộ máy cồng kềnh, chồng lán trong chức năng nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách về quản lý, khai thác giao thông vận tải ở nửa cuối thế kỷ XIX; một số cơ quan, một số chính sách, biện pháp, hoạt động quản lý, khai thác chưa thật hiệu quả, thậm chí còn yếu kém) song đã cho thấy sự quan tâm và những cố gắng, nỗ lực của Nhà nước Nguyễn trong xây dựng, tổ chức bộ

máy quản lý, khai thác biển, đảo từ cấp trung ương đến cấp địa phương, một cách trực tiếp và gián tiếp, cũng như những sự phối hợp của các cấp trong chức năng, nhiệm vụ của mình. Đặc biệt, cần phải ghi nhận những thành công, đóng góp vô cùng quan trọng của vương triều Nguyễn trong quản lý, thực thi, khai thác, bảo vệ hải đảo, nhất là các vùng quần đảo ngoài khơi Hoàng Sa, Trường Sa với sự phối hợp, chung sức của cả Nhà nước và nhân dân. Nhà Nguyễn đã thành công trong việc phát huy sức mạnh của Nhà nước và nhân dân vào hoạt động quản lý, khai thác, thực thi, bảo vệ biển, đảo trên các vùng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Phạm vi các nguồn lợi được triều Nguyễn nhận thức, quản lý, khai thác chủ yếu tập trung vào nguồn lợi không gian đường biển – thực chất là giao thương biển (không phận trên biển chưa nằm trong phạm vi nhận thức và khai thác ở thời kỳ này) và tài nguyên, sinh vật biển, đảo. Những nguồn lợi này chủ yếu là nguồn lợi có thể nhận biết bằng “trực quan”, bằng trải nghiệm của vương triều, gồm cả nguồn lợi biển và hải đảo ven bờ và ngoài khơi xa (như các vùng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa). Bởi vậy, nhiều tiềm năng nguồn lợi biển, đảo ở thế kỷ XIX vẫn còn được bỏ ngỏ trong nhận thức và khai thác (như những nguồn lợi nằm sâu dưới đáy biển, nguồn lợi cần đến sự hỗ trợ của các phương tiện khai thác hiện đại ngày nay....).

Trong phạm vi những nguồn lợi biển, đảo đã được triều Nguyễn nhận thức, quản lý, khai thác thì mức độ và hiệu quả quản lý, khai thác cũng có những khác nhau. Đồng thời, Nhà nước còn có sự phân biệt đối với hoạt động khai thác của Nhà nước Nguyễn và đối với hoạt động khai thác của nhân dân Đại Nam, của cư dân các nước. Quản lý, khai thác của Nhà nước nhìn chung được tập trung, đầu tư và hiệu quả hơn. Quản lý đối với hoạt động khai thác của nhân dân

Đại Nam và cư dân các nước chủ yếu tập trung vào quản lý, kiểm soát các hoạt động khai thác của nhân dân Đại Nam và cư dân các nước, nhằm bảo vệ an ninh – quốc phòng biển, đảo, bảo vệ tài nguyên đất nước trước những hoạt động khai thác, nhất là của các lực lượng từ bên ngoài. Tuy nhiên, Nhà nước cũng có nhiều biện pháp nhằm bảo đảm an toàn cho các hoạt động khai thác biển, đảo, trong đó có hoạt động khai thác của Nhà nước, của nhân dân Đại Nam và cư dân các nước. Đồng thời Nhà nước cũng gián tiếp thu lợi từ quản lý các hoạt động khai thác của nhân dân Đại Nam và cư dân các nước, nhất là qua hoạt động thu thuế.

Đối với hoạt động khai thác của Nhà nước, triều Nguyễn đã nhận thức và tận dụng được tiềm năng, vị thế của nguồn lợi ko gian đường biển trong khai thác giao thông vận tải, giao thương biển của Nhà nước. Công tác hải vận đã được triều Nguyễn nâng tầm của một là việc “quốc gia đại sự”. Do đó, các chính sách, các biện pháp, hoạt động quản lý, khai thác trên thực tiễn, cũng như mức độ quan tâm, đầu tư cho công tác hải vận được các vị vua triều Nguyễn, nhất là các vị vua đầu triều đặc biệt chú trọng. Có thể thấy, công tác hải vận đạt được nhiều hiệu quả nhất trong quản lý, khai thác biển, đảo của triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884. Công tác hải vận không chỉ giúp cho việc lưu thông, luân chuyển, “cân bằng” tài lực, vật hạng, vũ khí và khí tài chiến tranh giữa các vùng miền trong nước; công tác tích trữ phòng bị được yên ổn, nhất là các kho công ở Kinh đô Huế; mà còn góp phần tăng sức mạnh và hiệu lực đường biển của thủy quân triều Nguyễn; đồng thời góp phần giúp ổn định xã hội qua những hoạt động cứu trợ lấy từ kho công, trong đó có đóng góp của công tác hải vận. Mặc dù có những thành công đó, song hoạt động đầu tư phần

nhiều còn chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác, nhất là đối với phương tiện vận tải.

Quản lý và khai thác thương nghiệp biển triều Nguyễn (nhất là ngoại thương) dù còn nhiều hạn chế song cũng đạt được những kết quả nhất định. Nhà nước trực tiếp và gián tiếp thu lợi từ nguồn lợi thương nghiệp biển: trực tiếp thu lợi bằng việc tổ chức các hoạt động ngoại thương Nhà nước dưới nhiều hình thức; gián tiếp thu lợi từ hoạt động quản lý, kiểm soát các hoạt động giao thương biển của thương nhân Đại Nam và thương nhân các nước, nhất là bằng hoạt động thu thuế thương nghiệp biển. Giao thông vận tải, thương nghiệp biển ngoài ý nghĩa, đóng góp về kinh tế, quân sự, xã hội còn có những đóng góp tích cực cho hoạt động chính trị - ngoại giao của triều đình.

Nhìn chung, trong quản lý, khai thác tài nguyên, sinh vật biển, đảo của triều Nguyễn thì quản lý khai thác muối và tổ yến dường như là hoạt động quy mô, hiệu quả hơn cả, mặc dù không tránh khỏi những hạn chế. Các hoạt động khác trong khai thác tài nguyên, sinh vật biển, đảo của vương triều dường như thể hiện mục đích cao nhất là khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước Nguyễn bao trùm trên toàn bộ lãnh hải, lãnh thổ Việt Nam, bảo đảm an ninh – quốc phòng biển, đảo. Ngoài ra, một nguyên nhân khác để lý giải cho điều đó có lẽ là bởi quan niệm của triều Nguyễn về một nguồn tài nguyên phong phú, dồi dào nơi đất liền nên Nhà nước chưa đặt mối quan tâm nhiều đến khai thác nguồn sinh vật biển, đảo một cách mạnh mẽ, mà chủ yếu phục vụ nhu cầu tại chỗ, chưa biến thành nguồn hàng xuất khẩu mạnh mẽ; hoặc cũng có thể do nguồn tư liệu ghi chép về vấn đề không nhiều (trong khả năng những tư liệu mà tác giả luận án đã khai thác được). Quản lý của Nhà nước đối với hoạt động khai thác của

nhân dân chủ yếu nhằm kiểm soát các hoạt động khai thác này. Điều đó thể hiện phần nào tư duy kinh tế tự cấp tự túc của những người lãnh đạo đất nước đối với nguồn tài nguyên sinh vật biển, đảo này, cũng phản ánh sự hạn chế chung của triều Nguyễn ở thế kỷ XIX.

Đối với quản lý hoạt động khai thác của nhân dân, Nhà nước chủ yếu tập trung vào quản lý, kiểm soát các hoạt động khai thác của cư dân, bên cạnh đó cũng có những biện pháp nhằm bảo đảm môi trường yên ổn cho các hoạt động khai thác nguồn lợi biển, đảo. Cùng với đó, hoạt động khai thác của Nhà nước cũng chi phối và làm hạn chế nhất định hiệu quả khai thác của nhân dân, như việc huy động nhân dân vào công tác hải vận nhà nước, thu thuế miễn vận tải... Nhà nước không có nhiều những chính sách hỗ trợ nhân dân mở rộng quy mô, hiệu quả khai thác, ngoài chính sách hỗ trợ sinh kế ở giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX; thậm chí có những chính sách còn làm hạn chế khả năng, hiệu quả khai thác của nhân dân như quy định về giới hạn kích thước thuyền của nhân dân.

Quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo của Nhà nước Nguyễn còn có sự khác nhau giữa các triều đại. Nhìn chung, hiệu quả quản lý, khai thác mạnh mẽ nhất là dưới thời cai trị của các vị vua đầu triều Nguyễn: Gia Long, Minh Mệnh. Những kết quả, thành tựu đạt được trong quản lý, khai thác, bảo vệ và thực thi chủ quyền biển, đảo dưới các triều vua Gia Long, Minh Mệnh, đặc biệt là dưới triều Minh Mệnh, đã giúp cho Đại Nam dưới triều Minh Mệnh từng được quan niệm là một “cường quốc biển” trong khu vực Đông Nam Á. Hiệu quả quản lý, khai thác bắt đầu giảm sút dưới triều vua Thiệu Trị, mặc dù đã có những nền tảng vững chắc của các triều vua trước đó để lại.

Đến triều Tự Đức, cuộc chiến tranh xâm lược của phương Tây, nhất là người Pháp đã tác động sâu sắc, gây sức ép và in dấu ấn sâu

đậm lên hoạt động quản lý, khai thác biển, đảo nói riêng và quản lý đất nước nói chung của triều vua này: ảnh hưởng tiêu cực ở thời đoạn giữa thế kỷ XIX, song có những chuyển biến nhất định theo hướng tích cực hơn trên một số khía cạnh, lĩnh vực ở giai đoạn cuối của những năm 1858-1884. Bên cạnh những mặt trái mà hoạt động xâm lược của thực dân Pháp tác động đến hoạt động, chính sách quản lý của nhà Nguyễn đối với giao thông vận tải, đối với khai thác nguồn lợi biển, cuộc xâm lược của thực dân Pháp trên khía cạnh nào đó lại là cú huých buộc Đại Nam phải tiến hành mở những cánh cửa nhất định để thông thương, hình thành những phố cảng biển mà ý nghĩa và đóng góp của chúng còn nguyên vai trò đến tận ngày nay. Chính cú huých đó đã góp phần làm cho ngoại thương có những bước thay đổi và phát triển hơn so với những năm dưới thời vua Thiệu Trị và đầu triều vua Tự Đức, thậm chí còn mạnh nha cho sự phát triển một nền thương mại tự do nơi những phố cảng biển này. Tuy không phải toàn bộ những đề nghị canh tân, mở cửa đất nước liên quan đến quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo được thực hiện ở nửa cuối thế kỷ XIX, song một số tư tưởng và đề nghị canh tân, cải cách đã được triều Tự Đức thực hiện trên thực tế (như hoạt động xây dựng phố cảng biển, cho phép thuyền buôn của nhân dân vượt biển đến các nước thông thương,...). Mặc dù việc thực hiện trên thực tế một số tư tưởng canh tân trong quản lý, khai thác biển, đảo nói trên còn nhỏ lẻ, yếu ớt song điều đó góp phần minh chứng cho việc nhà Nguyễn không hoàn toàn phủ nhận những tư tưởng, đề nghị cải cách, canh tân đất nước ở nửa cuối thế kỷ XIX.

Mặc dù vậy, những thay đổi này còn yếu ớt và dường như là đã muộn để có thể giúp triều Tự Đức thay đổi được tình thế, và điều quan trọng là những chuyển biến yếu ớt nhất định này không thể đủ

sức mạnh để có thể vực dậy và làm thay đổi tình cảnh một đất nước đã “rêu rã” và chứa đựng quá nhiều hạn chế tồn tại và duy trì từ đầu triều Tự Đức (thậm chí từ triều Thiệu Trị) để có thể thắng được sức mạnh xâm lược của phương Tây. Hơn thế nữa, dù có những thay đổi nhất định, song ngay bản thân hoạt động quản lý, khai thác biển đảo của triều Tự Đức ở nửa cuối thế kỷ XIX cũng vẫn chưa đầy những hạn chế, mâu thuẫn. Có thể nói, dù có những chuyển biến và những đóng góp nhất định (mặc dù còn yếu ớt) của hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo, song với những hạn chế trong quản lý, khai thác biển, đảo nói riêng và trong quản lý đất nước nói chung, triều Nguyễn ở nửa cuối thế kỷ XIX đã không đủ khả năng khai phóng, phát triển đất nước để tạo nên sức mạnh thoát khỏi sự xâm lược của phương Tây. Nhìn chung, hoạt động quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo ở đầu thế kỷ XIX đạt được nhiều hiệu quả so với giai đoạn sau đó. Tuy nhiên, ở thời đoạn cuối của giai đoạn 1858-1884, trước sức ép xâm chiếm của thực dân Pháp, triều Nguyễn đã có một số thay đổi, chuyển biến nhất định trong quản lý, khai thác so với thời đoạn trước đó.

2. Quản lý, khai thác biển và hải đảo của triều Nguyễn là một hoạt động quản lý kinh tế, quản lý và khai thác tài nguyên, khai thác nguồn lợi nhưng đồng thời cũng chính là một hoạt động thực thi, khẳng định và bảo vệ biển, đảo, chủ quyền biển, đảo và quyền chủ quyền biển, đảo đất nước của triều Nguyễn và nhân dân Đại Nam; là biện pháp bảo vệ nguồn tài nguyên của đất nước, bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh hải, lãnh thổ quốc gia bằng bằng sức mạnh kinh tế. Các hoạt động quản lý, khai thác giao thông vận tải và thương nghiệp biển, quản lý, khai thác tài nguyên, sinh vật biển và hải đảo cũng chính là hoạt động thực thi quyền làm chủ của Nhà nước Nguyễn và nhân dân

Đại Nam đối với nguồn tài nguyên biển, đảo của đất nước. Bên cạnh đó, nếu bản thân hoạt động khai thác biển, đảo của Nhà nước Nguyễn và nhân dân Đại Nam mạnh thì họ sẽ có những biện pháp để tự bảo vệ nguồn tài nguyên biển, đảo, tự bảo vệ hoạt động khai thác của mình bởi cũng chính là bảo vệ quyền lợi cho họ. Vì vậy, quản lý, khai thác biển, đảo của có mối quan hệ chặt chẽ với an ninh – quốc phòng biển, đảo. Đặc biệt, dưới triều Nguyễn, hoạt động quản lý, khai thác biển, đảo chịu sự chi phối mạnh mẽ của chính sách và hoạt động an ninh – quốc phòng biển, đảo.

Cùng với đó, tìm hiểu quản lý, khai thác nguồn lợi biển, đảo dưới triều Nguyễn không chỉ đóng góp vào nghiên cứu lịch sử quản lý tài nguyên biển, đảo và lịch sử khai thác kinh tế biển, đảo của Việt Nam mà cũng góp phần vào một hiểu biết thấu đáo và đầy đủ hơn về lịch sử chủ quyền và thực thi chủ quyền biển, đảo trong lịch sử Việt Nam, đặc biệt là ở thế kỷ XIX đầy biến động này. Nghiên cứu quản lý, khai thác biển, đảo của triều Nguyễn ở thế kỷ XIX cũng góp phần vào việc minh định cho những bằng chứng có tính lịch sử và tính pháp lý trong khẳng định chủ quyền biển, đảo, chủ quyền quốc gia của Việt Nam hiện nay – một vấn đề vẫn đang mang tính thời sự trên phạm vi khu vực và quốc tế.

3. Hoạt động quản lý, khai thác biển, đảo của triều Nguyễn có thể để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho Nhà nước Việt Nam đương đại, trong đó nổi bật và quan trọng nhất là những bài học sau:

Thứ nhất là bài học trong việc huy động sức mạnh, đóng góp của nhân dân vào hoạt động quản lý, khai thác biển đảo của triều Nguyễn, đặc biệt là trong hoạt động quản lý, khai thác, thực thi, bảo vệ chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Dưới triều

Nguyễn, Nhà nước đã huy động sức mạnh, trí tuệ, sự hiểu biết của cư dân biển các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, nhất là cư dân đảo Lý Sơn, vào sự thành công của các hoạt động quản lý, khai thác, thực thi, bảo vệ chủ quyền trên hai quần đảo này. Việc huy động và phát huy hiệu quả khả năng, công sức đóng góp của nhân dân dưới triều Nguyễn vào hoạt động quản lý, khai thác biển đảo, nhất là trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, là một bài học kinh nghiệm quý giá cho Nhà nước Việt Nam đương đại trong hoạt động quản lý, khai thác, bảo vệ biển đảo. Đặc biệt là phát huy sức mạnh của nhân dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vào cuộc “chiến đấu trong hòa bình” để bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ở hiện tại!

Thứ hai là bài học từ hạn chế của triều Nguyễn trong hoạt động quản lý, khai thác biển đảo. Đó là bài học về giải quyết tốt mối quan hệ giữa khai thác, phát triển kinh tế biển đảo với đảm bảo an ninh - quốc phòng biển đảo. Yêu cầu phát triển kinh tế biển đảo của Việt Nam trong hiện tại đang là một mục tiêu chiến lược trong phát triển kinh tế. Kinh tế biển phát triển, kinh tế hải đảo vững mạnh, tình hình xã hội trên hải đảo được ổn định thì tự bản thân sự vững mạnh và ổn định về kinh tế, xã hội đó sẽ góp phần tạo nên sức mạnh để đảm bảo an ninh - quốc phòng biển đảo của đất nước.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đinh Thị Hải Đường (2016), “Quản lý và khai thác vùng biển đảo của triều Nguyễn giai đoạn 1802-1858”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam* (101), tr.53-62.
2. Đinh Thị Hải Đường (2016), “Chính sách thương nghiệp đường biển của triều Nguyễn giai đoạn 1802-1858”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (484), tr.12-26.
3. Đinh Thị Hải Đường (2017), “Triều Nguyễn với việc quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ biển đảo của cư dân giai đoạn 1802-1858”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (3), tr.55-63.
4. Đinh Thị Hải Đường (2019), “Nguyễn Công Trứ với hoạt động khai thác và bảo vệ an ninh - quốc phòng biển đảo Bắc Bộ ở nửa đầu thế kỷ XIX”, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, *Nguyễn Công Trứ với lịch sử, văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.630-660.
5. Đinh Thị Hải Đường (2018), “Maritime Foreign Trade Policy of the Nguyễn Dynasty In the Period of 1802 – 1858”, *Journal of Asian Network for GIS-based Historical Studies* (5), pp.10-20.